

Bản án số: 52/2020/HC-PT
Ngày: 15-5-2020
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**.

Ông **Nguyễn Thanh Long**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15-5-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 53/2019/TLPT-HC ngày 17-12-2019 về “Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2020/QĐ-PT ngày 20-4-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1951; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư số 10, thôn Tây, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn X 1, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần C**, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn X 1, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi: Ông **Phạm Đình P** - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện L; địa chỉ: Xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tấn T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L (Văn bản ủy quyền số 1062/QĐ-UBND ngày 07-5-2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện L: Ông Phạm Văn Thọ - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã A; địa chỉ: Xã A, huyện L.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã A, vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1948; địa chỉ cư trú: tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 19-02-2020), có mặt.

3. Chị Trần Thị Mỹ Q, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Trần Thị T, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Trần Văn H, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Cháu Trần Văn Đ, sinh năm 2008; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Văn Đ: Bà Phạm Thị D (mẹ của cháu Trần Văn Đ); địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Trần Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

9. Bà Trần Thị S, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

10. Bà Trần Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

11. Bà Trần Thị G, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

12. Chị Trần Thị C, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

13. Anh Trần C, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Thôn X 1, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H, bà Trần Thị S, bà Trần Thị L, bà Trần Thị G và bà Trần Thị C: Anh Trần C, sinh năm 1985 (Giấy ủy quyền ngày

15-02-2019 và ngày 19-02-2019), anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là bà Lê Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền là anh Trần C trình bày:

Bà Lê Thị Đ và chồng là ông Trần C (chết năm 1983) có 07 người con là Trần Văn H, Trần Thị H, Trần Thị S, Trần Thị L, Trần Thị G, Trần Thị C và Trần C. Quá trình sinh sống, vợ chồng bà Đ xây dựng một ngôi nhà trên thửa đất số 845, tờ bản đồ số 2, diện tích 139 m² và được Nhà nước cấp đất nông nghiệp cho hộ gia đình tại thửa đất số 580, diện tích 930 m² thuộc thôn Tây, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1997, bà Đ cùng các con vào xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa làm ăn sinh sống.

Sau khi các con của bà Lê Thị Đ lập gia đình ở riêng, bà Đ ở với con trai cả là ông Trần Văn H và con dâu là bà Phạm Thị D, nên tất cả giấy tờ về quyền sử dụng đất, nhà ở thuộc thửa đất số 845, diện tích 139 m² và thửa đất số 580, diện tích 930 m² bà Đ giao cho vợ chồng ông H, bà D cất giữ. Năm 2016, ông Trần Văn H chết, bà Phạm Thị D không cho bà Đ ở chung, nên bà Đ về quê tại thôn Tây, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi để sinh sống; đồng thời, yêu cầu bà D trả lại giấy tờ quyền sử dụng đất, nhà ở thuộc thửa đất số 845, diện tích 139 m² và thửa đất số 580, diện tích 930 m² nhưng bà D không trả. Tháng 9-2018, bà Đ nhờ con trai thứ là anh Trần C đến Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện L xin photocopy các giấy tờ liên quan đến thửa đất số 845 và thửa đất số 580 và được biết hai thửa đất này đã bị ông Trần Văn H và bà Phạm Thị D giả chữ ký và chữ viết của bà Đ (bà Đ không biết chữ) để lập giấy ủy quyền giao đất, nhà ở cho con là Trần Văn H và được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất này (số 845 và số 580).

Bà Lê Thị Đ còn cho rằng, sau khi con trai bà (ông Trần Văn H) chết, thì con dâu là bà Phạm Thị D, cùng các cháu là chị Trần Thị Mỹ Q, chị Trần Thị T, chị Trần Thị T1, anh Trần Văn H và cháu Trần Văn Đ lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17-8-2017 để tặng cho thửa đất số 845 cho bà Phạm Thị D (được UBND xã A chứng thực ngày 17-8-2017) là trái pháp luật. Vì vậy, bà Đ yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P995363, số vào sổ 01669 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², tại Đội 9, thôn Tây, xã L (nay là xã A), huyện L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CK 152147, số vào sổ CS 08668 ngày 28-10-2017, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho bà Phạm Thị D đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m² tại xã A, huyện L (thửa cũ là số 845, tờ bản đồ số 02).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01670 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 3, diện tích 930 m² tại Đội 9, thôn Tây, xã L, huyện L.

Người bị kiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Ngày 25-11-1999, UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Trần Văn H với diện tích 139 m², loại đất thổ cư (đất ở), đối với thửa đất số

845, tờ bản đồ số 02, xã L, huyện L (nay thuộc xã A) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành P995363, số vào sổ 01669.

Ngày 22-9-2017, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được Chi nhánh huyện L chỉnh lý tại trang tư có nội dung: “*Bà Phạm Thị D, sinh năm 1968, số CMND 225462802, địa chỉ thường trú: Xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nhận tặng cho toàn bộ thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, với diện tích 139 m² đất ở tại nông thôn. Theo Hợp đồng tặng cho số 207, quyển số 01-2017 (được UBND xã A chứng thực ngày 17-8-2017) và bà đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước*”.

Ngày 16-10-2017, bà Phạm Thị D nộp Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Kết quả kiểm tra hồ sơ của Chi nhánh huyện L thì thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02 có biến động thành thửa đất số 491, tờ bản đồ số 09, diện tích 135,8 m², loại đất ở tại nông thôn và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi ký cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Phạm Thị D có số phát hành CK 152147, số vào sổ CS 08668, cấp ngày 28-10-2017.

- Về nguyên nhân thay đổi thông tin thửa đất là do huyện L đã đo đạc thành lập lại bản đồ mới, vì vậy thông tin về thửa đất, tờ bản đồ có thay đổi.

- Về diện tích giảm 3,2 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 là do kết quả đo đạc, tính toán diện tích, ranh giới thửa đất kể từ khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không thay đổi.

Trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện L cấp lần đầu cho hộ ông Trần Văn H vào năm 1999, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện L chỉnh lý nhận tặng cho sang tên chủ sử dụng đất là bà Phạm Thị D tại trang 04 năm 2017 và hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Phạm Thị D, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thực hiện ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị D là đúng quy định tại Điều 99 Luật Đất đai và Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

2. UBND huyện L trình bày:

Năm 1999, bà Lê Thị Đ có Giấy ủy quyền giao lại đất và nhà ở cho con là ông Trần Văn H kê khai nhà, đất. Ông Trần Văn H, bà Phạm Thị D có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 845, tờ bản đồ số 2, diện tích 139 m² và thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m², được Hội đồng tư vấn xã L (nay là xã A) xét duyệt, trình UBND huyện L xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn H đối với 02 thửa đất nêu trên.

Sau khi ông Trần Văn H chết; năm 2017, các con của bà Phạm Thị D lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02 cho bà Phạm Thị D và được UBND xã A chứng thực ngày 17-8-2017. Sau đó, bà D có Đơn đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 491, tờ bản đồ số 9, xã A (đo đạc năm 2010), diện tích 135,8 m² và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CK 152147, số vào sổ CS 08668 ngày 28-10-2017. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã A trình bày:

Giấy ủy quyền của bà Lê Thị Đ cho con trai là Trần Văn H được kê khai và giao diện tích đất ở cho con, có xác nhận của UBND xã L (nay xã A). Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H được Hội đồng tư vấn xét duyệt và đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m² và thửa đất số 580, tờ bản đồ số 3, diện tích 930 m².

Việc bà Lê Thị Đ yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25-11-1999 cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², tại thôn Tây, xã A, huyện L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cấp 25-11-19 cho Trần Văn H đối với thửa đất số 580, diện tích 930 m² tại thôn Tây, xã A, huyện L là không có cơ sở.

2. Bà Phạm Thị D, chị Trần Thị Mỹ Q, chị Trần Thị T, chị Trần Thị T1 và anh Trần Văn H trình bày:

Nguồn gốc của thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m² và thửa đất số 580, diện tích 930 m² là của ông Trần C và bà Lê Thị Đ (là bố, mẹ chồng của bà D).

Ngày 25-11-1999, bà Lê Thị Đ đã lập Giấy ủy quyền giao lại đất và nhà ở cho con là ông Trần Văn H kê khai đất và nhà ở (được UBND xã A xác nhận). Sau đó, ông Trần Văn H đã làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 25-11-1999 được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 845 và thửa đất số 580. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

3. Bà Trần Thị H, bà Trần Thị S, bà Trần Thị L, bà Trần Thị G, chị Trần Thị C và anh Trần C trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m² thuộc Đội 8, thôn Tây, xã L, huyện L (nay là thửa đất số 491, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m² thuộc xã A) và thửa đất số 580, tờ bản đồ số 3, diện tích 930 m² thuộc Đội 9, thôn Tây, xã L (nay là xã A), huyện L là của cha, mẹ các bà (ông Trần C, bà Lê Thị Đ) tạo lập.

- Đối với thửa đất số 845 (diện tích 139 m²), cha, mẹ của các bà xây dựng một ngôi nhà và sinh sống cùng các con trên ngôi nhà này. Năm 1983, ông Trần C chết; năm 1997, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên các bà vào xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa làm ăn sinh sống. Bà Lê Thị Đ tiếp tục ở cùng anh trai là Trần Văn H (chết năm 2016), con dâu là chị Phạm Thị D và canh tác hoa màu trên đất. Khoảng vài tháng sau (năm 1997), thì bà Đ cùng vào xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa làm ăn sinh sống.

- Đối với thửa số 580 (diện tích 930 m²) có nguồn gốc do Nhà nước cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình gồm: Bà Lê Thị Đ và các con là Trần Văn H, Trần Thị H, Trần Thị G, Trần Thị L, Trần Thị S, Trần Thị C và Trần C.

Khi sống cùng vợ chồng ông Trần Văn H, bà Phạm Thị D thì toàn bộ giấy tờ nhà đất, bà Lê Thị Đ giao cho vợ chồng ông H cất giữ. Lợi dụng bà Đ không biết chữ nên năm 1999, ông Trần Văn H đã giả chữ ký của bà Đ lập Giấy ủy quyền ngày 25-11-1999 giao toàn bộ nhà đất trên cho ông H. Cùng ngày 25-11-1999, UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m². Sau đó, bà Phạm Thị D đề nghị

cấp đổi lại Giấy chứng nhận và ngày 28-10-2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị D (chính lý biến động từ thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m² thành thửa đất số 419, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m²).

Hai thửa đất trên là tài sản chung của gia đình. Trong đó, thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02 là tài sản của cha, mẹ; còn thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03 là tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình. Sau khi cha (ông Trần C) chết, không để lại di chúc, thì phần di sản của cha là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa 491, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m²) chưa chia cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nên việc UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m² mà chưa được sự đồng ý của bà Lê Thị Đ và các con của ông Trần C (bà H, bà S, bà L, bà G, bà C và anh C) là không đúng pháp luật. Đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m² được Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình (gồm 08 nhân khẩu) cũng chưa được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình, nhưng UBND huyện L lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn H cũng không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ:

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HCST ngày 04-10-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993; Phần 2 Thủ tục đăng ký đất đai, xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ; tuyên xử:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Phạm Thị D tại thửa đất số 491, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m², loại đất ở nông thôn, số vào sổ CS 08668 cấp ngày 28-10-2017.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chủ tịch UBND huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H tại thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m², loại đất nông nghiệp, số vào sổ 01670, cấp ngày 25-11-1999.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Chủ tịch UBND huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H tại thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², loại đất thổ cư, số vào sổ 01669, cấp ngày 25-11-1999.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07-10-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên

toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P995363, số vào sổ 01669 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², tại Đội 9, thôn Tây, xã L (nay là xã A), huyện L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CK 152147, số vào sổ CS 08668 ngày 28-10-2017, do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho bà Phạm Thị D đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m² tại xã A, huyện L (thửa cũ là số 845, tờ bản đồ số 02).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01670 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m² tại Đội 9, thôn Tây, xã L, huyện L.

Do đó, ngày 07-10-2019, bà Phạm Thị D (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của bà D là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ; người khởi kiện (bà Lê Thị Đ) và người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của bà Phạm Thị D, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà Phạm Thị D:

[2.1]. Về trình tự thủ tục và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Theo Giấy ủy quyền ngày 25-11-1999, có xác nhận của UBND xã L (bút lục số 107), có nội dung: “... Nay tôi làm đơn này giao lại đất và nhà ở cho con. Vậy mong các cấp xét duyệt cho con tôi là Trần Văn H đứng ủy quyền và kê khai đất nhà ở”, phần dưới Giấy ủy quyền này có chữ ký của bà Lê Thị Đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà Đ xác định bà Đ không biết chữ, nên chữ ký trong Giấy ủy quyền ngày 25-11-1999 không phải chữ ký của bà Đ. Mặt khác, trong Giấy ủy quyền này không xác định bà Đ giao lại đất và nhà ở cho ông Trần Văn H có diện tích đất bao nhiêu m², thửa đất nào, thuộc tờ bản đồ số mấy tại xã L.

Cùng ngày 25-11-1999, ông Trần Văn H làm Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 580, diện tích 930 m², loại đất tòi (bút lục số 104) và thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², loại đất ở (bút lục số 105) và đều được Hội đồng tư vấn xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã L ghi rõ: “Hội đồng tư vấn xét cấp là đúng thực tế 139 m² nhà ở. Không có ai tranh chấp. Kính chuyển lên UBND huyện L, Phòng địa chính huyện xét cấp” và ký xác nhận ngày

25-11-1999. Đến ngày ngày 21-12-1999, Phòng Kế hoạch - Kinh tế và Tài chính huyện L mới xác nhận nội dung vào hai đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H và kính chuyển UBND huyện L xem xét cấp. Tuy nhiên, ngày 25-11-1999, Chủ tịch UBND huyện L đã cấp hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn H (cấp trước 24 ngày) là không đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993.

[2.2]. Về tính hợp pháp của các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02:

Người khởi kiện là bà Lê Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Thị D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đều thừa nhận: Thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², loại đất ở tại xã L (nay là xã A) là của vợ chồng ông Trần C và bà Lê Thị Đ tạo lập, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Tổ tụng hành chính thì đây được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02 là tài sản chung của ông Trần C và bà Lê Thị Đ. Ông Trần C chết ngày 17-8-1983 (không để lại di chúc), do đó theo quy định của pháp luật về thừa kế, thì ½ diện tích của thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02 là di sản thừa kế của ông Trần C để lại chưa chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần C là vợ và các con của ông Trần C. Bà Lê Thị Đ không thừa nhận bà đã ủy quyền cho nhà, đất cho con là ông Trần Văn H tại Giấy ủy quyền ngày 25-11-1999. Mặt khác, các con của ông C, bà Đ cũng xác định không ủy quyền cho ông Trần Văn H được quyền đăng ký, kê khai và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho vợ chồng ông Trần Văn H, bà Phạm Thị D.

Vì vậy, việc Chủ tịch UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P995363, số vào sổ 01669 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², tại Đội 9, thôn Tây, xã L (nay là xã A), huyện L cho hộ ông Trần Văn H và sau đó là Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CK 152147, số vào sổ CS 08668 ngày 28-10-2017 cho bà Phạm Thị D đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m² tại xã A, huyện L (thửa cũ là số 845, tờ bản đồ số 02) là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Đ và các con của bà Đ và ông Trần C.

- Đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận thửa đất này được Nhà nước cân đối theo Nghị định 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ để sản xuất nông nghiệp cho cả hộ gia đình bà Lê Thị Đ. Theo Danh sách hộ sử dụng đất theo Bản đồ 299/TTg, thì hộ bà Lê Thị Đ tại thời điểm được cân đối thửa đất này gồm có 09 nhân khẩu, gồm: Lê Thị Đ, Trần Văn H, Phạm Thị D, Trần Thị H, Trần Thị G, Trần Thị L, Trần Thị S, Trần Thị C và Trần C.

Ngày 25-11-1999, ông Trần Văn H làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m², loại đất tòi, mục đích sản xuất nông nghiệp, nhưng không có sự đồng ý hoặc có ủy quyền của các thành viên trong hộ gia đình bà Lê Thị Đ.

Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01670 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m² tại Đội 9, thôn Tây, xã L (nay là xã A), huyện L cho hộ ông Trần Văn H là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Đ và các thành viên trong hộ gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập và đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ đó: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của bà Phạm Thị D đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Phạm Thị D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì vậy lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của bà Phạm Thị D.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HCST ngày 04-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 36 của Luật Đất đai năm 1993.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ; xử:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CK 152147, số vào sổ CS 08668 ngày 28-10-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho bà Phạm Thị D đối với thửa đất số 491, tờ bản đồ số 9, diện tích 135,8 m² tại xã A, huyện L.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành P995363, số vào sổ 01669 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 do Chủ tịch UBND huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số 02, diện tích 139 m², tại Đội 9, thôn Tây, xã L (nay là xã A), huyện L.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01670 QSDĐ/H.UBND ngày 25-11-1999 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Trần Văn H đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 03, diện tích 930 m² tại Đội 9, thôn Tây, xã L (nay là xã A), huyện L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

- Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí

phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004759 ngày 01-11-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi nay được chuyển thành án phí; bà Phạm Thị D đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường